

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/QĐ-PT

Gia Lai, ngày 04 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Đình Nam

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Cảnh
Ông Giáp Bá Dự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2020/QĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020.

Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai đã căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật tổ tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về “*Yêu cầu hủy quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã A*”, giữa:

Người khởi kiện: Bà Trần Thị Dạ T.

Địa chỉ: Thôn PM, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Tại đơn kháng cáo ngày 25 tháng 5 năm 2020, bà Trần Thị Dạ T kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2020/QĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P với lý do, bà không đồng ý với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

XÉT THẤY:

Ngày 02/12/2019, bà Trần Thị Dạ T nộp trực tiếp đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2019 với nội dung: Gia đình bà có một lô đất, có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã xác nhận 3/10/2000. Năm 2008, Chủ

tịch xã A chỉ đạo cán bộ địa chính xã quy hoạch và đổi đường dân sinh, trước đây con đường làng nằm cạnh lô đất nhà ông H, nay xã đổi đường nằm cạnh lô đất của nhà bà, lấn chiếm và làm thay đổi ranh giới, diện tích đất của gia đình bà. Gia đình bà không đồng ý với việc Ủy ban nhân dân xã A đã làm thay đổi hoàn toàn về ranh giới, diện tích của gia đình bà sau khi đổi đường.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2019, về nội dung đơn khởi kiện không đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 118 của Luật tố tụng hành chính, cụ thể là không ghi rõ nội dung hành vi hành chính, quyết định hành chính bị kiện, những yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết và không cam đoan về việc không đồng thời khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại; về hình thức đơn khởi kiện không đúng mẫu Đơn khởi kiện số 01 – HC được ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu dùng trong tố tụng hành chính.

Lẽ ra, trong trường hợp này sau khi nhận đơn khởi kiện, nhận thấy đơn khởi kiện không có đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 118 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm cần ra thông báo bằng văn bản nêu rõ những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày người khởi kiện nhận được thông báo của Tòa án. Nếu người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 118 của Luật tố tụng hành chính thì tiếp tục việc thụ lý vụ án, nếu họ không sửa đổi theo yêu cầu thì trả lại đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho người khởi kiện theo quy định tại Điều 122 Luật tố tụng hành chính.

Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện đúng như quy định nêu trên mà thụ lý vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Dạ T là thực hiện không đúng quy định của Luật tố tụng hành chính về xem xét đơn khởi kiện, cần rút kinh nghiệm khi xem xét giải quyết các đơn khởi kiện hành chính khác.

Mặc dù tại đơn khởi kiện, người khởi kiện không nêu rõ yêu cầu khởi kiện, nội dung đơn chưa đầy đủ nhưng vẫn có thể xác định được là bà T khởi kiện cho rằng, hành vi đổi đất làm đường của Ủy ban nhân dân xã A đã làm thay đổi ranh giới, diện tích đất của gia đình bà. Hành vi bị kiện là hành vi của Ủy ban nhân dân xã A trong hoạt động quản lý của nhà nước về đất đai nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã A, huyện P nên theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật tố tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú T. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án hành chính để giải quyết là đúng quy định, đúng thẩm quyền, tuy nhiên trong trường hợp này cần xác định quan hệ tranh chấp là “Khiếu kiện hành vi hành chính”.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất của gia đình bà Thảo là do ông Bùi Tấn B (cha chồng của bà T) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Xuân T. Năm 2006, ông B kiến nghị đến Ủy ban nhân dân xã về việc diện tích đất thực tế bị thiếu so với giấy tờ mua bán và đã được Ủy ban nhân dân xã I cũ giải quyết ngày 26/10/2006. Năm 2014, ông Nguyễn Mạnh C (chồng của bà T) kiến nghị về việc Ủy ban nhân dân xã A đổi con đường đất lên trên mảnh đất của gia đình ông, chiếm dụng làm đường làng cho dân đi, yêu cầu các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết trả lại đất cho gia đình ông theo đúng hiện trạng trong giấy tờ. Kiến nghị của ông C đã được giải quyết tại công văn số 1544/UBND-NC ngày 19/11/2014, Ủy ban nhân dân huyện P đã trả lời đơn kiến nghị của ông C và kết luận việc hoán đổi đường của Ủy ban nhân dân xã A không làm ảnh hưởng gì đến ranh giới và diện tích đất của ông B. Sau đó, bà T tiếp tục nộp đơn kiến nghị năm 2017 với nội dung bà không đồng tình với kết luận của Ủy ban nhân dân huyện khi giải quyết đơn kiến nghị của chồng bà (ông Bùi Văn C), diện tích đất của gia đình bà (đứng tên ông Bùi Tấn B) ngày càng thu hẹp, ít dần, bà yêu cầu nhà nước giải quyết đất gia đình bà theo như sơ đồ trong hợp đồng chuyển nhượng. Tại công văn số 142/UBND-NC ngày 08/2/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn kiến nghị của bà T không đủ điều kiện xử lý, nội dung văn bản kết luận nội dung kiến nghị của bà T là không có căn cứ, nội dung kiến nghị của bà trùng với nội dung kiến nghị của chồng bà và đã được giải quyết tại công văn số 1544/UBND-NC ngày 19/11/2014.

Điều này thể hiện gia đình bà Thảo đã biết sự việc UBND xã A đổi đất làm đường, làm ảnh hưởng đến ranh giới, diện tích đất của gia đình bà từ lâu, gia đình bà đã khiếu nại, khiếu nại kéo dài và được giải quyết tại các công văn số 1544/UBND-NC ngày 19/11/2014 của Chủ tịch UBND huyện P và công văn số 142/UBND-NC ngày 08/2/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P. Trong trường hợp bà Thảo không đồng ý với các văn bản giải quyết đơn kiến nghị nêu trên thì bà T có quyền khởi kiện tại Tòa án. Tuy nhiên, nếu tính từ thời điểm khiếu nại lần đầu của ông C (chồng bà T) hay tính từ thời điểm sau khi Ủy ban nhân dân huyện P ra công văn số 142/UBND-NC ngày 08/2/2018 về việc xử lý đơn kiến nghị của bà T

đến thời điểm bà T nộp đơn khởi kiện hành chính tại Tòa án (ngày 02/12/2019) thì thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai vào điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính, đình chỉ giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật tố tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2020/QĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai

2. Buộc bà Trần Thị Dạ T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0007406 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện P;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)

Lê Đình Nam